TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Chí

Ông Nguyễn Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thảo Ly, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 422/2026/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974, địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1998, địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày:

Hôn nhân: Bà T và ông B tổ chức lễ cưới và kết hôn từ năm 1996, nhưng sau đó mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 260/2002 ngày 28/5/2002.

Nguyên nhân bà T yêu cầu ly hôn là do trong suốt quá trình chung sống từ trước đến nay ông B thường xuyên ăn nhậu và nhiều lần có hành vi bạo lực với bà T. Gần đây nhất là trước khi bà T nộp đơn ly hôn khoảng 02 tháng thì ông B đã đánh bà. Do đó, bà T đã đi nơi khác sinh sống từ đầu tháng 07/2026 đến nay. Khoảng hơn 10 năm nay thì vợ chồng không sử dụng tiền chung mà mỗi người tự làm kiếm tiền để chi tiêu. Bà T xét thấy vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phú nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Thanh T2, sinh 2001. Hiện các con đã trưởng thành và lập gia đình riêng, không còn sống chung ông bà nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Hôn nhân: Ông B thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống và thời điểm kết hôn.

Ông B xác nhận có đánh bà T nhưng sự việc đã diễn ra nhiều năm trước nhưng chỉ 02-03 lần và lần gần nhất là cách đây khoảng 02 tháng thì ông có dùng tay đánh bà T 1-2 cái vì bà T vay tiền lãi nặng bên ngoài, do nóng giận nên ông đã đánh bà. Sau đó, ông B đã biết sai nên cũng đã xin lỗi bà T và sự việc đã qua đi.

Việc bà T bỏ nhà đi nơi khác thì ông B không biết lý do, thời gian từ khi bà T đi thì ông B đã đi tìm để hòa giải mong bà T quay lại nhưng bà T vẫn không đồng ý. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông B không đồng ý ly hôn vì ông còn rất thương vợ, mong muốn gia đình được đoàn tụ, không muốn vợ chồng đã lớn tuổi phải ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Thanh T2, sinh 2001. Hiện các con đã trưởng thành và lập gia đình riêng, không còn sống chung ông bà nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thanh T1 là con chung của bà T và ông B trình bày:

Trong thời gian chị T1 còn chung sống với cha mẹ thì cha mẹ cũng có hay cự cải, cha của chị có đánh mẹ chị nhưng chỉ vài cái. Chị đã lấy kết hôn và đi nơi khác sinh sống nhưng cũng thường xuyên về cha mẹ. Theo chị T1 thì cha mẹ của chị không có mâu thuẫn nào khác về việc cự cải trong gia đình về vấn đề kinh tế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông B và bà T đăng ký kết hôn lại trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2002 đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để vợ chồng có điều kiện đoàn tụ nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống ông B có hành vi bạo lực với bà T dẫn đến bà T đi nơi khác sinh sống. Tại phiên tòa, mặc dù ông B có nguyện vọng để bà T quay về tiếp tục chung sống nhưng bà T vẫn không đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Hồng T với ông Nguyễn Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông B.

[3] Về con chung: Bà T và ông B xác nhận có 02 người con là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Thanh T2, sinh 2001. Hiện các con đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B.

Bà Nguyễn Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 14576 ngày 25/6/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phương Thảo